

GIÁO DỤC TIẾNG MẸ ĐỀ TRONG TRƯỜNG TIỂU HỌC Ở ĐẮC LẮC VÀ THÁI ĐỘ CỦA HỌC SINH Ê ĐÊ

PGS.TS ĐOÀN VĂN PHÚC

1. Mở đầu

1.1. Với việc giáo dục ngôn ngữ trong nhà trường, thì ngôn ngữ có hai chức năng chính: vừa là công cụ lại vừa là đối tượng học tập của học sinh (HS). Hai chức năng này có mối quan hệ qua lại và bổ trợ cho nhau. Đối với học sinh dân tộc thiểu số (HSDTTS) ở Việt Nam, giáo dục ngôn ngữ (và chữ viết) trong nhà trường, một hình thức giáo dục chính quy trong các cơ sở giáo dục công lập, là một hình thức quan trọng để nâng cao trình độ học vấn, trình độ văn hóa cho các em. Tại những nơi có học tiếng mẹ đẻ (TMD) trong trường học thì các em HS đồng thời học cả hai thứ tiếng: tiếng phổ thông và TMD. Trong trường hợp này, rõ ràng TMD đối với HSDTTS chưa phải là công cụ học tập, mà mới chỉ là đối tượng.

1.2. Đảng, Nhà nước và Chính phủ Việt Nam hết sức quan tâm đến công tác dạy tiếng dân tộc thiểu số (DTTS) cho HS. Vì vậy, các cơ quan có thẩm quyền đã có nhiều văn kiện, chỉ thị, nghị quyết, quyết định, cũng như các văn bản quy phạm pháp luật thể hiện sự quan tâm đến bảo tồn, phát huy vai trò, bản sắc ngôn ngữ và văn

hóa các DTTS, trong đó có việc dạy - học tiếng nói và chữ viết các dân tộc.

1.3. Vài nét về cư dân Ê đê ở Đắc Lắc

Theo *Kết quả của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009*, người Ê đê hiện có 331.194 người. Họ sống tập trung ở các tỉnh khu vực Tây Nguyên như Đắc Lắc, Đắc Nông và một vài tỉnh vùng duyên hải Trung bộ, như Phú Yên, Khánh Hòa. Từ năm 1976, tỉnh Đắc Lắc của nước Việt Nam thống nhất được hình thành từ hai tỉnh Đắc Lắc (tên cũ trước năm 1975) và Quảng Đức (về cơ bản có cùng địa giới như tỉnh Đắc Nông ngày nay). Nhưng từ năm 2004, Đắc Lắc lại được chia tách trở lại thành tỉnh Đắc Lắc và tỉnh Đắc Nông. Ở Đắc Lắc hiện có cư dân của hơn 40 dân tộc cùng sinh sống và là tỉnh có đông người Ê đê nhất ở Việt Nam (90%). Tại đây, người Ê đê chiếm dân số đông thứ hai trong tỉnh (với 298.534 người), sau người Kinh. Họ sống khá tập trung ở 14/15 huyện, thị xã, thành phố.

Đắc Lắc là tỉnh có phong trào dạy - học TMD cho HS DTTS tốt nhất ở các tỉnh ở Tây Nguyên. Tiếng Ê đê không chỉ được dạy - học trong

trường tiểu học (TH), mà môn ngữ văn tiếng Ê đê còn được dạy thực nghiệm cho HS trung học cơ sở (THCS) ở các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT). Bài viết sẽ nhìn nhận, tổng kết và đánh giá lại tình hình dạy - học tiếng Ê đê cho HS trong trường TH (trước đây và hiện nay), cũng như thái độ của HS Ê đê với môn học TMD này.

2. Dạy - học tiếng Ê đê trong trường tiểu học ở Đắc Lắc

Trước năm 1975, dưới thời Ngô Đình Diệm, vấn đề dạy tiếng (và chữ) Ê đê trong trường học đã từng bị gạt ra ngoài, song sau đó lại được ngành giáo dục TH của các tỉnh Đắc Lắc, Quảng Đức tổ chức dạy ở một vài trường dân tộc nội trú có HS Ê đê. Từ sau năm 1975 đến nay, việc tổ chức dạy - học tiếng Ê đê trong trường phổ thông ở Đắc Lắc trải qua nhiều thăng trầm, thành công xen lẫn thất bại, và có lúc tưởng chừng như hoàn toàn thất bại.

2.1. Thời kì trước thế kỉ XXI

Sau khi miền Nam hoàn toàn được giải phóng, dưới sự chỉ đạo của Ty Giáo dục tỉnh Đắc Lắc, một số cán bộ, trí thức người Ê đê, Gia rai đã chuẩn bị nhiều tư liệu, bài học để phục vụ cho công tác này. Thực hiện Quyết định 53/CP của Chính phủ về chủ trương đối với tiếng nói và chữ viết dân tộc thiểu số, Tỉnh ủy Đắc Lắc đã có Nghị quyết về việc dạy TMD cho HS Ê đê trong trường phổ thông. Năm học 1981-1982, ngành giáo dục của tỉnh đã triển khai các hoạt động phục vụ chương trình dạy - học tiếng Ê đê trong trường TH. Một số trường

TH ở thị xã Buôn Ma Thuột, huyện Krông Năng, huyện Krông Búc, huyện Krông Ana được chọn thí điểm dạy tiếng Ê đê.

Vì là năm học đầu tiên nên tài liệu dạy - học cho giáo viên và học sinh chưa được chuẩn bị đầy đủ. Thực chất tài liệu dạy tiếng Ê đê chỉ được in ronéo và chủ yếu phát cho giáo viên, HS cũng bị thiếu, thậm chí được phát rất ít. Nó gần như được căn ke từ sách tiếng Việt. Đến năm 1983, cuốn sách *Tiếng Ê đê Lớp 1 (Klei Êđê Adu\ sa)* lần đầu tiên được xuất bản. Sau đó, nhiều cuốn sách giáo khoa bằng tiếng Ê đê cho HS các lớp 1, 2, 3 cũng đã được triển khai. Việc dạy thí điểm (theo kiểu thực nghiệm) các cuốn sách này ở một số trường TH đã có được những thành công nhất định. Số lượng HS Ê đê đến lớp tăng đáng kể, chất lượng học tiếng Việt được cải thiện rất nhiều so với năm học 1980-1981. Các giáo viên dạy tiếng Ê đê hết sức phấn khởi, hào hứng với việc dạy tiếng - chữ Ê đê trong trường TH. Theo đánh giá của ông Y Luật Niê Ksor, Giám đốc Trung tâm Phương pháp giáo dục của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắc Lắc khi đó (1986) thì chất lượng tiếng Việt của HS TH ở các lớp 1, 2, 3 đã được cải thiện đáng kể. Nếu như trước năm 1981, HS Ê đê có thể đọc, nói tiếng Việt, nhưng chỉ hiểu được hơn 50%, thì những năm 1985 - 1986, các em đã hiểu tiếng Việt được tới 85%.

Sau thành công bước đầu ở thời kì dạy thí điểm tại một số trường, vào năm học 1986-1987, Sở GD&ĐT Đắc Lắc đã quyết định triển khai dạy đại trà chương trình song ngữ Ê đê - Việt

ở nhiều trường, huyện trong tỉnh, nơi có HS Ê đê. Tuy nhiên, chỉ sau 2 năm, chương trình dạy đại trà tiếng Ê đê cho HS TH đã bắt đầu bị thất bại. Chất lượng học tiếng Việt và tiếng Ê đê của HS TH giảm sút rõ rệt và không còn được như những năm trước đây (giai đoạn 1981-1985), tình trạng HS bỏ học ngày càng tăng theo thời vụ, và dẫn đến bỏ học hoàn toàn. Trước tình hình đó, năm học 1989-1990, Sở GD&ĐT quyết định tạm dừng dạy đại trà chương trình song ngữ Ê đê - Việt, và chỉ duy trì ở một số điểm thực nghiệm còn tương đối mạnh.

Từ năm học 1995-1996 trở đi, việc dạy - học tiếng Ê đê được phục hồi và củng cố. Việc biên soạn sách tiếng Ê đê (cho dù chỉ là tài liệu photo) cho các lớp bắt đầu đi vào ổn định dần và việc triển khai mở rộng chương trình dạy - học tiếng Ê đê được thực hiện ở nhiều điểm trường.

2.2. Từ đầu thế kỉ XXI đến nay

Sau khi phong trào dạy - học tiếng Ê đê được phục hồi và củng cố từ mấy năm học cuối thế kỉ XX, thì từ năm học 2000-2001 trở đi, việc dạy - học tiếng Ê đê phát triển trở lại, không ngừng tăng về số lượng (số huyện/ thị xã/ thành phố, trường, lớp, cũng như số lượng HS so với tổng dân số người Ê đê) và chất lượng tiếng Ê đê cũng như tiếng Việt. Dưới đây là một vài số liệu ấy.

2.2.1. Sự phát triển về quy mô trường lớp, đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất

Tại Đắc Lắc, theo số liệu báo cáo mới nhất của *Ban Nghiên cứu giáo dục học sinh dân tộc* (BNCGDDT)

thuộc Sở GD&ĐT tỉnh, từ năm học 2010-2011 toàn tỉnh đã tổ chức dạy - học tiếng Ê đê tăng thêm một huyện (từ 13 huyện của năm học 2010-2011 đã có thêm 01 huyện nữa) tại 14/15 huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có đông người Ê đê sinh sống. Từ ba năm trước, số trường TH tham gia tổ chức chương trình dạy - học tiếng Ê đê tăng từ 72 trường với 474 lớp (năm học 2008-2009) thì năm học 2011-2012 đã phát triển thành 84 trường với 527 lớp. Bên cạnh quy mô trường lớp được tăng lên, đội ngũ giáo viên (số lượng, chất lượng), cơ sở vật chất (trường sở, sách giáo khoa).

Trong hơn chục năm trở lại đây, *Ban biên soạn dân tộc* thuộc Sở GD&ĐT được đổi tên thành BNCGDDT. Các loại sách phục vụ cho việc dạy - học tiếng Ê đê đã được các cán bộ ở đây biên soạn tốt hơn nhiều. Từ những cuốn sách giáo khoa (được xuất bản đầu tiên năm 1983) đã dần dần được bổ sung, sửa chữa để nâng cao chất lượng. Đó là: *Klei Ê đê Hdruôm 1* (Tiếng Ê đê Quyển 1), *Klei Ê đê Hdruôm 2* (Tiếng Ê đê Quyển 2), *Klei Ê đê Hdruôm 3* (Tiếng Ê đê Quyển 3). Bên cạnh đó còn có các sách bài tập giúp cho HS ôn luyện: *Hdruôm hra\ klei nga\ Klei Ê đê, Hdruôm 1* (Sách bài tập tiếng Ê đê, quyển 1), *Hdruôm hra\ klei nga\ Klei Ê đê, Hdruôm 2* (Sách bài tập tiếng Ê đê, quyển 2), *Hdruôm hra\ klei nga\ Klei Ê đê, Hdruôm 3* (Sách bài tập tiếng Ê đê, quyển 3) cho học sinh. Ngoài ra còn có những cuốn sách hướng dẫn giảng dạy cho giáo viên, như: *Klei Ê đê, Hdruôm hra\ kơ nai mtô, Hdruôm 1* (Tiếng Ê đê, Sách dùng cho giáo viên, Quyển 1), *Klei Ê đê, Hdruôm hra\ kơ nai mtô,*

Hdruôm 2 (Tiếng Ê đê, Sách dùng cho giáo viên, Quyển 2), *Klei Ê đê*, *Hdruôm hra\ kơ nai mtô*, *Hdruôm 3* (Tiếng Ê đê, Sách dùng cho giáo viên, Quyển 3) cũng đã được xuất bản. Các cuốn sách phục vụ cho chương trình dạy - học tiếng Ê đê ở bậc TH có nội dung phong phú hơn, khoa học hơn, hình thức đẹp hơn, và đủ số lượng để cung cấp cho giáo viên và HS.

2.2.2. Sự phát triển về số lượng học sinh

Từ một vài điểm trường còn được giữ lại để tiếp tục thí điểm, thì năm học 2000-2001, toàn tỉnh đã có 2.205 HS TH theo học chương trình TMD. Theo đà đó, cứ mỗi năm ở đây lại tăng thêm số huyện, số điểm trường,

tham gia mở lớp dạy - học tiếng Ê đê thì số lượng HS Ê đê ở các trường tham gia chương trình học TMD ngày càng tăng. Từ năm học 2000-2001 đến nay, Đắc Lắc là một trong những tỉnh tổ chức dạy TMD cho HS dân tộc trên diện rộng, bao phủ nhiều trường TH nhất và có số lượng HS đông nhất so với các tỉnh ở Tây Nguyên. Sau 10 năm học, số HS TH tham gia học TMD tăng gần 5 lần (11.629/2205). Dưới đây là số huyện, số điểm trường, số lớp thể hiện quy mô và số lượng HS Ê đê theo học chương trình TMD ở Đắc Lắc từ năm học 2000-2001 đến năm học 2003-2004, năm học trước khi Đắc Lắc được chia thành hai tỉnh: Đắc Lắc và Đắc Nông.

STT	Số huyện, thành phố mở lớp	Năm học	Số trường	Số lớp	Số học sinh
1	05	2000 - 2001	20	112	2.205
2	06	2001 - 2002	27	165	3.853
3	07	2002 - 2003	32	185	4.563
4	08	2003 - 2004	39	205	5.673

Chỉ trong vòng 4 năm (từ năm học 2000-2001 đến năm học 2003-2004), thì mỗi năm ở Đắc Lắc lại tăng thêm một huyện tổ chức dạy TMD cho HS, còn số điểm trường cũng tăng dần theo. Đặc biệt, sau 4 năm học, số lượng HS Ê đê theo học chương trình TMD đã tăng gấp gần hai lần về số lớp (205/112 lớp), và hơn 2 lần về số HS (5673/2205 HS). Lúc này, môn dạy - học tiếng Ê đê này đã có chuyển hướng. Nó được dạy - học như một môn học trong trường học,

chứ không phải theo chương trình song ngữ Ê đê - Việt như trước đây. Sau khi được chia tách tỉnh, số lượng HS Ê đê theo học chương trình TMD ở Đắc Lắc hàng năm vẫn không ngừng gia tăng. Năm học 2008-2009, chỉ tính riêng tỉnh Đắc Lắc đã có tới 10.914 HS TH được học chữ dân tộc ở 474 lớp và 72 trường được mở tại 13 huyện/thành phố. Và đến năm học 2010-2011, toàn tỉnh đã phát triển dạy - học tiếng Ê đê tại 14 huyện, thành phố, thị xã ở 76 điểm trường với 497 lớp và có 11.052 học sinh. Và đến năm học

2011-2012, tại 84 điểm trường, với 527 lớp và có 11.629 học sinh TH.

Để biết chi tiết, xin xem số liệu thống kê dưới đây:

STT	Số huyện, thành phố mở lớp	Năm học	Số trường	Số lớp	Số học sinh
1	09	2004-2005	45	305	7.856
2	10	2005-2006	56	328	8.651
3	11	2006-2007	60	363	9.863
4	12	2007-2008	70	390	10.671
5	13	2008-2009	72	474	10.914
6	14	2010-2011	76	453	11.101
7	14	2011-2012	84	527	11.629

Trong số các địa phương tổ chức dạy - học TMD ở bậc TH cho HS Ê đê thì huyện Mgar là huyện có số trường, lớp và HS tham gia nhiều nhất, còn địa phương có số lượng và tỉ lệ HS học tiếng Ê đê ít nhất (so với số lượng dân cư) là thành phố Buôn Ma Thuột.

2.2.3. Về chất lượng

Theo đánh giá của SGD&ĐT Đắk Lắk, thực tế số lượng HS Ê đê theo học TMD ở bậc TH có sự gia tăng hàng năm, và chất lượng học tập

của các em cũng từng bước được cải thiện, song còn chưa đáng kể, thậm chí có năm học sau lại yếu hơn năm học trước. Đồng thời chất lượng học môn học này của học sinh có sự chênh lệch khá lớn giữa các trường do đặc điểm địa lí, phương ngữ của học sinh. Chẳng hạn, theo thống kê và báo cáo của BNCGDDT, chất lượng học môn TMD của các em bậc TH trong 5 năm gần đây (từ năm học 2007-2008 đến 2011-2012) như sau:

Năm học	CHẤT LƯỢNG MÔN HỌC TMD							
	giỏi		khá		trung bình		yếu	
	SL	tỉ lệ %	SL	tỉ lệ %	SL %	tỉ lệ %	SL	tỉ lệ %
2007-2008	640	6,0	7.149	67	2.348	22	534	5,0
2008-2009	710	6,5	6.204	56	3.752	34,2	284	2,5
2009-2010	1.547	15,92	3.534	36,38	4.284	44,1	349	3,6
2010-2011	1.524	13,8	3.532	32,0	5.436	49,2	560	5,0
2011-2012	1.826	15,7	3.963	34,08	5.235	45,02	605	5,2

Tuy nhiên, theo số liệu khảo sát của chúng tôi và báo cáo của các trường

TH thì thực sự chất lượng học tập và sử dụng tiếng (và chữ) Ê đê chưa

đáp ứng được yêu cầu của môn học. Dưới đây là kết quả khảo sát ở một vài điểm trường có vị trí địa lí khác nhau và sử dụng các phương ngữ khác nhau ở học sinh. Tại Trường

TH Êa Bông, xã Êa Bông, huyện Krông Ana (nơi học sinh sử dụng phương ngữ Bih), kết quả học tập của các em trong năm học 2010 - 2011 dưới đây:

Chất lượng môn tiếng dân tộc	tổng số	tỉ lệ	Lớp					
			Ba		Bốn		năm	
			SL	tỉ lệ	SL	tỉ lệ	SL	tỉ lệ
Số HS	127	100	52	100	33	100	42	100
Giỏi	5	3,8	1	1,8	0	0	4	9,5
Khá	34	26,7	16	30,7	9	27,3	9	21,4
Trung bình	71	56,1	29	55,7	19	57,6	23	54,7
Kém	17	13,4	6	11,8	5	15,1	6	14,4

Chất lượng môn học TMD của HS Ê đê ở Tiểu học Êa Bông, xã Êa Bông, huyện Krông Ana

Ở Tiểu học Êa Bông, tỉ lệ học sinh đạt trung bình ở các năm lớp 3, 4, 5 về cơ bản không thay đổi, nhưng tỉ lệ học sinh khá bị giảm dần, tỉ lệ học sinh giỏi có tăng, đặc biệt từ lớp 4 (0%) lên lớp 5 (9,5%). Còn tại trường TH Nơ Trang Long ở xã Êa Tiêu, huyện }

ngữ Kpă) thì cho kết quả khá hơn nhiều so với chất lượng của HS ở Êa Bông. Tỉ lệ HS đạt trung bình ở các năm lớp 3, 4, 5 giảm dần, nhưng tỉ lệ HS khá, giỏi lại tăng dần từ lớp 3 đến lớp 5. Xem và so sánh kết quả học tập của các em trong năm học 2010 - 2011 qua bảng dưới đây:

Chất lượng môn tiếng dân tộc	Tổng số		Lớp					
			Ba		Bốn		năm	
	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
Số HS	206	100	71	100	68	100	67	100
Giỏi	36	17,48	9	12,68	8	11,76	19	28,36
Khá	74	35,92	22	30,99	27	39,71	25	37,31
Trung bình	96	46,60	40	56,33	33	48,53	23	34,33
Kém	0	0	0	0	0	0	0	0

Chất lượng môn học TMD của HS Ê đê ở Tiểu học Nơ Trang Long, xã Êa Tiêu, Huyện }

Nhìn vào các báo cáo tổng kết này, rõ ràng chất lượng môn học TMD của HS chưa cao do nhiều nguyên

nhân khác nhau. Có một sự khác biệt nhất định về chất lượng học TMD của HS ở trường TH Êa Bông huyện Krông

Ana với HS ở trường TH Nơ Trang Long xã Êa Tiêu, huyện ʒur Kui. Nguyên nhân chủ yếu chính là: HS ở TH Êa Bông, Krông Ana chủ yếu là con em cư dân Ê đê sử dụng phương ngữ Bih, một phương ngữ còn bảo lưu nhiều nét cổ hơn, và có nhiều khác biệt hơn về từ vựng, ngữ âm so với tiếng nói của cư dân ở Êa Tiêu, cư dân sử dụng chủ yếu là phương ngữ Kpă, một phương ngữ phổ thông của tiếng Ê đê. Chính ông Y Yem, giáo viên dạy tiếng Ê đê ở trường TH Êa Bông cũng cho biết: Thực tế, các em ở Êa Bông khi học tiếng Ê đê (theo sách giáo khoa Ê đê được biên soạn trên cơ sở tiếng Kpă) cũng đã gặp không ít khó khăn. Do tuổi còn nhỏ, các em HS rất ít được đi ra khỏi địa bàn làng xã của mình nên chưa hiểu được phương ngữ Kpă. Khi học, nhiều trường hợp gặp các khác biệt về từ vựng, ngữ âm (giữa tiếng Bih và tiếng Kpă) thì chính giáo viên phải tìm từ tương ứng ở tiếng Bih để giải thích

cho các em HS. Anh Y Jem, giáo viên dạy môn Tiếng Ê đê ở Trường TH Võ Thị Sáu, xã Êa Bông, huyện Krông Ana cũng có cùng suy nghĩ như vậy. Phải chăng, đây có thể là một rào cản không nhỏ với HS khi các em hiểu nghĩa của từ cũng như khi viết chính tả.

2.2.4. Sự phát triển về đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất

Do đặc điểm dạy TMD như một môn học với 4 tiết/tuần nên số lượng giáo viên đứng lớp dạy tiếng Ê đê không thể tăng cao vì biên chế giáo viên các trường TH về cơ bản ổn định. Theo quy định về số tiết học dạy ở bậc TH, nên số lượng giáo viên dạy tiếng Ê đê hàng năm không thể tăng, cho dù số học sinh và số lớp học môn này có tăng. Các thống kê số giáo viên dạy TMD của BNCGDDT Đắk Lắk mấy năm học qua cho thấy, thậm chí số giáo viên còn bị giảm do một số người đã đến tuổi nghỉ hưu. Xin xem bảng thống kê giáo viên dạy tiếng Ê đê bậc TH như dưới đây:

Năm học	Tổng số	Giáo viên nữ		Giáo viên bản ngữ		Giáo viên chuyên		Giáo viên kiêm nhiệm	
		TS	TL	TS	TL	TS	TL	TS	TL
2007-2008	130	75	57,70	130	100	94	72,31	36	27,69
2008-2009	119	109	91,60	119	100	58	48,73	61	51,27
2009-2010	128	109	85,16	128	100	58	45,31	70	54,69
2010-2011	108	86	79,63	108	100	78	72,22	30	27,78
2011-2012	97	23	23,71	97	100	55	56,70	42	43,30

Hai năm gần đây (từ hè năm học 2010-2011), với sự cải tiến công tác bồi dưỡng chuyên môn, SGD&ĐT tỉnh đã tổ chức các lớp bồi dưỡng hè

khá đầy đủ với nhiều chuyên đề về ngôn ngữ và văn hóa Ê đê cho giáo viên dạy tiếng Ê đê. Đây là một điều mà trước đây chỉ thỉnh thoảng SGD

&ĐT tổ chức để bồi dưỡng khi thay sách giáo khoa mà thôi.

Đến năm học 2011 - 2012, tất cả các cơ sở dạy - học TMD ở bậc TH của Đắc Lắc đều có đủ số lượng phòng học cần thiết để đảm bảo mỗi lớp học có một phòng học cho một buổi. Tuy nhiên, để có thể có được số lượng phòng học cho việc học 2 buổi/ ngày cho học sinh, nhất là với các lớp học môn TMD thì chưa thể. Về trang thiết bị phục vụ dạy - học, Sở GD&ĐT cũng đã tổ chức một số cuộc thi sáng tạo đồ dùng giảng dạy cho học sinh và thu được những kết quả bước đầu. Nhiều đồ dùng phục vụ dạy - học tiếng Ê đê được chính các thầy cô giáo thiết kế và tự tạo đã thúc đẩy phong trào tự sáng tạo đồ dùng dạy - học tại tỉnh này.

3. Thái độ của học sinh Ê đê với việc học tiếng mẹ đẻ trong trường tiểu học

3.1. Tình hình tư liệu

Tháng 10/2011, chúng tôi tiến hành khảo sát tình hình dạy - học tiếng Ê đê ở Đắc Lắc và Đắc Nông. Do đặc điểm việc học tiếng Ê đê của HS chỉ bắt đầu từ lớp 3, cho nên chúng tôi chỉ khảo sát HS lớp 5 (mà chất lượng thực tế cũng mới chỉ học chương trình tiếng Ê đê được hai (2) năm mà thôi). Có 290 HS Ê đê lớp 5 được khảo sát tại 7 trường TH ở 5 huyện, thành phố gồm:

1) Trường TH Nguyễn Thị Định và Trường TH Y Jút, TP Buôn Ma

Thuột; 2) Trường TH Nơ Trang Long, xã Êa Tiêu, huyện Ơl Kuê; 3) Trường TH Êa Bông, Trường TH Võ Thị Sáu xã Êa Bông, huyện Krông Ana; 4) Trường TH Nguyễn Đình Chiểu xã Êa Dơng huyện Ơl Mgar; 5) Trường TH Nơ Trang Long xã Êa Yông huyện Krông Pách. Các điểm trường được điều tra, khảo sát tại 4 huyện và một thành phố Buôn Ma Thuột đều đại diện cho một phương ngữ (Kpă, Adham, Ktul, Bih) hoặc có sự pha trộn giữa các phương ngữ nhất định của tiếng Ê đê.

3.2. Thái độ của học sinh

Hầu hết các em HS Ê đê đều thích thú và hào hứng với việc được học tiếng (và chữ) Ê đê trong nhà trường. Qua dự giờ (2 tiết) học tiếng Ê đê của HS (ở Trường Tiểu học Êa Bông, xã Êa Bông, Huyện Krông Ana), và ở Trường Y Jut (xã Tâm Thắng, huyện Cư Jut, tỉnh Đắc Nông) rõ ràng các HS hết sức chú ý nghe giáo viên giảng bài và tham gia trả lời câu hỏi của giáo viên. Thống kê chi tiết các câu hỏi đối với HS Ê đê khi học TMD, chúng tôi thu được kết quả về thái độ của HS như sau:

Với câu hỏi: *Em có thích học tiếng Ê đê không?* thì trong số 290 học sinh ở Đắc Lắc (117 nam; 173 nữ) có 288 em thích học TMD (trong đó có 115 nam, tất cả 173 em nữ) đều thích. Chỉ có 2 trường hợp HS nam không thích môn học này và cho rằng "*Học chữ Ê đê mất thời gian học các môn khác*". Song với HS thích học

môn *Tiếng Ê đê*, khi trả lời câu hỏi: trong số 288 em, chúng tôi nhận được
Vì sao em thích học tiếng Ê đê? thì kết quả:

Lí do thích học TMD	Tổng số	Tỉ lệ %	Nam		Nữ	
			Tổng số	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ
Vì thích học tiếng dân tộc mình	87/288	30,3	34/87	39,5	53/87	60,5
Để đọc được sách tiếng Ê đê	40/288	13,9	14/40	35	26/40	65,0
Cả hai lí do trên	161/288	55,8	67/161	41,6	94/161	58,4

Nhìn vào các con số thống kê trên, rõ ràng số HS Ê đê thích học TMD do nhu cầu *thích học tiếng dân tộc mình* và *để đọc được sách bằng chữ dân tộc mình* lớn hơn hai lí do riêng biệt "*Vì thích học tiếng dân tộc mình*" và "*Để đọc được sách tiếng Ê đê*" ($161/288 = 55,8\%$ so với $87/288 + 40/288 = 44,2\%$). Thái độ thích thú này được minh chứng

thêm bởi khi trả lời câu hỏi: *Em có thích học tiếng Ê đê đối với các môn học khác nữa không?* thì rõ ràng việc được học TMD thực sự là sự hứng thú với HS¹. Trong số 288 HS thích học tiếng Ê đê thì có tới 272 HS (94,44%) thích học TMD ở các môn học khác, trong đó có 112 nam và 160 nữ. Cụ thể như sau:

Môn học	Tổng số	Tỉ lệ (%)	Nam		Nữ	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Vệ sinh	181/272	66	21/112	18	160/160	100
Kể chuyện	71/272	26	61/112	54	10/160	6
Toán	115/272	42	100/112	89	15/160	9
Khoa học	47/272	17	40/112	35	7/160	4

Theo số liệu thống kê, đa số học sinh thích học tiếng Ê đê thêm ở các môn học và tập trung vào môn Vệ sinh, trong đó 100% (160/160) các em nữ muốn học, trong khi chỉ có 18% (21/112) học sinh nam. Thế nhưng ở các môn Kể chuyện, Toán, Khoa học thì các em nam lại thích học bằng TMD hơn. Cụ thể, có tới 89% (100/112) nam thích học thêm TMD ở môn toán,

hay 54% (61/112) thích học thêm ở môn kể chuyện.

Còn trong số HS không muốn học thêm tiếng Ê đê ở các môn khác thì các em đều cho rằng: Chỉ cần học để biết đọc và biết viết là quá đủ để các em đọc sách của dân tộc mình. Còn việc học thêm các môn khác sẽ gây khó khăn cho các em về thời gian học, cùng với chương trình tiếng Ê đê

có quá ít thời gian (chỉ có 4 tiết/ tuần) nên không thể học nhiều môn bằng TMD quá được.

4. Những vấn đề đặt ra

Việc dạy TMD cho HS DTTS ở trường học không hề đơn giản bởi nó liên quan tới rất nhiều vấn đề: sách giáo khoa, đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, học sinh, và ngay cả phụ huynh học sinh, các điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương: khả năng tài chính, nhân lực, vật lực cũng như sự ủng hộ của chính quyền các cấp ở đó. Dưới đây là một số vấn đề cần suy nghĩ.

4.1. Về số lượng học sinh

Nhìn vào các báo cáo tổng kết số lượng học sinh tham gia học TMD hàng năm, rõ ràng số học sinh Ê đê được học TMD chưa cao. Trong số 115.111 học sinh Ê đê bậc TH và THCS (kể cả trường PTDTNT), nhưng trong số đó chỉ có 11.629 em bậc TH, và 1015 em ở trường PTDTNT bậc THCS tham gia học tiếng Ê đê². Tính chung ra, số học sinh học tiếng DTTS chỉ đạt 10,25% $((10.671 + 1.424) : 115.111) = 10,25\%$. Nếu chỉ tính riêng học sinh TH tham gia học tiếng Ê đê thì cũng mới chỉ đạt được 29,20%. Trong năm học 2011-2012, theo dự tính của BNCGDDT tỉnh thì ở Đắc Lắc mới chỉ có khoảng hơn 40% số HS Ê đê ở bậc TH được học theo chương trình dạy - học TMD³.

4.2. Về chất lượng

Như đã nói ở trên, vấn đề nâng cao chất lượng học TMD cho học

sinh Ê đê là cả một vấn đề hết sức nan giải đối với ngành giáo dục Đắc Lắc. Rõ ràng, chất lượng học tập môn TMD qua các năm gần đây chưa được cải thiện rõ rệt. Số HS đạt kết quả trung bình và yếu vẫn còn chiếm tỉ lệ cao. Thí dụ, năm học 2009-2010: 47,70%; 2010-2011: 54,20%; và năm học 2011-2012: 50,22%.

4.3. Về đội ngũ giáo viên

Do quy định về số tiết/ tuần của các giáo viên TH, nên số lượng giáo viên không được tăng, trong khi thực tế ở nhiều trường TH, việc đảm bảo giáo viên đứng lớp dạy tiếng Ê đê có tình trạng kiêm nhiệm. Chẳng hạn, trong năm học 2011 - 2012, trong số 97 giáo viên dạy môn TMD thì chỉ có 55 (56,70%) người là giáo viên dạy chuyên nên việc chuyên môn hóa môn dạy là điều khó. Thực tế điều này đã ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng học tập của HS.

4.4. Về cơ sở vật chất

Nếu theo quy định về yêu cầu cơ sở vật chất: số phòng học để đảm bảo cho HS TH học 2 buổi/ ngày thì hiện tại, đây vẫn là vấn đề nhức nhối với ngành giáo dục Đắc Lắc. Ở một số địa phương, do sự hạn chế về đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất, có tình trạng nhiều học sinh học các lớp từ 3 - 5 không được học môn TMD. Điều này dẫn tới một hệ lụy: Rất nhiều học sinh không được học thường đến "xem" các bạn được học môn TMD

như thế nào cũng đã ảnh hưởng không tốt tới sự tập trung học tập của học sinh. Tại một số điểm trường ở các huyện Krông Ana, Mgar, Kui... đều có tình trạng như vậy. Thậm chí, ở trường TH Y Jut (Phường Tân Lập, Buôn Ma Thuột) trong năm học 2011-2012 không có giáo viên chính thức hưởng lương đứng lớp mà chỉ có hai giáo viên dạy tiếng Ê đê đã nghỉ hưu dạy hợp đồng. Do chế độ hợp đồng sau khi nghỉ hưu nên chế độ lương cho họ không đảm bảo, ảnh hưởng không nhỏ tới sự yên tâm của giáo viên. Mặt khác, cho dù sách giáo khoa cho giáo viên và HS đã đủ cung cấp cho môn học, song việc biên soạn một bộ sách khoa học, sư phạm vẫn còn nhiều điều cần cải tiến, và về phương pháp dạy - học TMD cho giáo viên và HS.

4.5. Về công tác quản lý, chỉ đạo chuyên môn

Thực tế công tác quản lý, lãnh đạo chuyên môn môn học TMD vẫn còn nhiều bất cập. Nhìn vào số lượng các trường tổ chức dạy - học môn học này (84 trường) mà chỉ có 97 giáo viên thì rõ ràng không có các tổ chuyên môn để giáo viên có thể góp ý cho nhau khi giảng bài (cho dù có một cán bộ quản lý của trường phụ trách chỉ đạo môn học). Bên cạnh đó, các giáo viên cần được chuyên môn hóa hơn để họ có thể cải tiến phương pháp giảng dạy môn học cho HS.

4.6. Về chế độ và chính sách đãi ngộ

Theo Nghị quyết 03/2010/NĐ-HĐND tỉnh Đắk Lắk khóa 14 ngày 9/7/2010 về *Việc dạy tiếng Ê đê trong trường Tiểu học và Trung học cơ sở giai đoạn 2010-2015*, các giáo viên, cán bộ quản lý ở trường dạy môn học này cũng như các cán bộ, chuyên viên (nguyên là giáo viên) làm công tác chỉ đạo giáo dục dân tộc, biên soạn sách giáo khoa ở tỉnh được hưởng chế độ phụ cấp 0,3 hệ số lương tối thiểu. Song thực tế công tác này hết sức phức tạp, vì vậy để nâng cao chất lượng học tập và số lượng học sinh được học TMD, cần có các quy định của Chính phủ về chế độ đãi ngộ đối với giáo viên, chuyên viên, cán bộ làm công tác này.

Gần đây, Sở GD&ĐT tỉnh đã Quyết định quy định lại chức năng và nhiệm vụ của BNCGDDT tỉnh. Theo quy định này, ngoài công tác biên soạn sách giáo khoa, BNCGDDT còn có chức năng quản lý nhà nước về công tác giáo dục học sinh dân tộc trong tỉnh. Điều này sẽ tạo điều kiện giúp cho BNCGDDT phát huy được năng lực trong công tác biên soạn và quản lý giáo dục HSĐT tại địa phương. Tuy nhiên, có một điều mà nhiều người băn khoăn, để tăng cường chất lượng cho đội ngũ cán bộ biên soạn sách giáo khoa, cần phải tăng cường đội ngũ cán bộ nghiên cứu có trình độ cao. Song nếu họ là

một nhà nghiên cứu chuyên về công tác tại Ban này thì họ không được hưởng chế độ phụ cấp 0,3 mức lương tối thiểu - một chế độ phụ cấp rất thấp.

5. Kết luận

Việc tổ chức dạy - học TMD cho học sinh Ê đê của ngành giáo dục Đắk Lắk đã đi qua chặng đường tròn 30 năm. Trải qua những khó khăn cùng với những thành công ban đầu hay những thất bại do nhiều nguyên nhân khác nhau. Nhưng đến nay, có thể nói: việc dạy - học TMD cho học sinh Ê đê trong trường TH ở đây là đúng hướng, đúng mục tiêu, phù hợp với nguyện vọng của học sinh Ê đê cũng như phụ huynh, và đang trên đường phát triển. Đó chính là sự phát triển về quy mô, về số lượng học sinh, về chất lượng học tập, về đội ngũ giáo viên, cũng như cơ sở vật chất. Tuy nhiên, công tác giáo dục TMD ở trường TH tại Đắk Lắk vẫn còn nhiều bất cập mà ngành giáo dục tỉnh, cũng như Bộ cần tiếp tục tháo gỡ về chính sách, về công tác quản lý, đào tạo đội ngũ, chuyên môn hóa giáo viên... Ngày 4/3/2012, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Quyết định thành lập Hội đồng quốc gia thẩm định bộ sách *Klei Ê đê* ở bậc TH của Đắk Lắk để chính thức đưa vào bộ sách chuẩn cho chương trình dạy - học TMD cho học sinh Ê đê trên toàn quốc.

Với sự cố gắng của mình trong việc chuẩn bị tài liệu dạy - học, hi vọng ngành giáo dục Đắk Lắk sẽ làm

tốt hơn việc chuẩn bị cơ sở vật chất, chế độ chính sách và đặc biệt là chuẩn bị đội ngũ giáo viên và cán bộ chuyên trách cho công tác này.

CHÚ THÍCH

¹ Trong báo cáo Tổng kết năm học 2008-2009 của Sở GD&ĐT Đắk Lắk cho rằng: "sự phấn khởi hứng thú trong học tập tiếng dân tộc của học sinh ngày càng tốt hơn... Trong quá trình học tập tiếng dân tộc đã thực sự hỗ trợ cho học sinh dân tộc học tốt hơn đối với các môn học khác, tạo điều kiện cho học sinh rèn luyện đạo đức ngày càng tiến bộ".

² Nguồn: số liệu của Sở GD&ĐT tỉnh được Ban nghiên cứu giáo dục học sinh dân tộc của Sở sử dụng.

³ Trong số hơn 40 ngàn học sinh Ê đê ở bậc TH thì chỉ có khoảng hơn một nửa các cháu đang học các lớp bậc TH từ lớp 3 đến lớp 5 mà thôi. Và chương trình dạy - học TMD chỉ tổ chức dạy cho HS ở các lớp 3 - 5.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo chất lượng học tập của học sinh: Trường Tiểu học Êa Bông (huyện Krông Ana); Trường Tiểu học Nơ Trang Long (huyện ư\ Kui) năm học 2010 - 2011.

2. Các Báo cáo tổng kết, các số liệu công tác giáo dục dân tộc thiểu số các năm học từ 1981-1982 đến 2012 của Ban nghiên cứu giáo dục học sinh dân tộc và của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk.

4. Hoàng Văn Hành, *Nhìn lại chính sách ngôn ngữ của Đảng và Nhà nước ta 50 năm qua*, T/c Ngôn ngữ, Số 4, 1995.

5. *Các sách giáo khoa Klei Ê đề cho học sinh bậc Tiểu học (từ năm 1983 đến 2006)*, Nxb GD.

6. Đoàn Văn Phúc, *Quyết định 53-CP với việc bảo tồn và phát huy ngôn ngữ các dân tộc thiểu số trong thời kì mới*, T/c Ngôn ngữ, Số 9, 2010.

7. Nguyễn Mạnh Quỳnh, *Thực trạng và những vấn đề đặt ra trong việc dạy và học tiếng nói, chữ viết dân tộc thiểu số*, BCKH tại Hội thảo Ngôn ngữ học toàn quốc, H., 11/2009.

8. Viện Ngôn ngữ học, *Những vấn đề chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*, Nxb KHXH., H., 1993.

9. Viện Ngôn ngữ học, *Cảnh huống và chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*, Nxb KHXH., H., 2002.

10. Viện ngôn ngữ học, *Bức tranh toàn cảnh về các ngôn ngữ ở Việt Nam*, Đề tài cấp Bộ, Chủ nhiệm: Đoàn Văn Phúc, Nghiệm thu 3/2011.

11. Viện Ngôn ngữ học, *Giáo dục ngôn ngữ trong nhà trường ở Việt Nam*, Đề tài cấp Bộ, Chủ nhiệm: Vũ Thị Thanh Hương, Nghiệm thu 3/2011.

SUMMARY

Dac Lac is a province which has the largest number of Ede people in Vietnam as well the most successful mother tongue education movement for ethnic minority people in the Central Highlands. In the last 30 years, the teaching of mother tongues for ethnic minority pupils in primary schools has not always been successful but has growth in both quality and quantity of pupils, classes, schools, where the education takes place, team of teachers and infrastructure. The success is due to the determination of the whole education system of the province, of Ede pupils' attitudes as well as supports of their parents. In order to improve the movement, we need to increase the number of pupils learning their mother tongue in primary schools, to ensure the sufficiency of classrooms for whole day classes as well as to improve policy for teachers, managers and textbook compilers.